

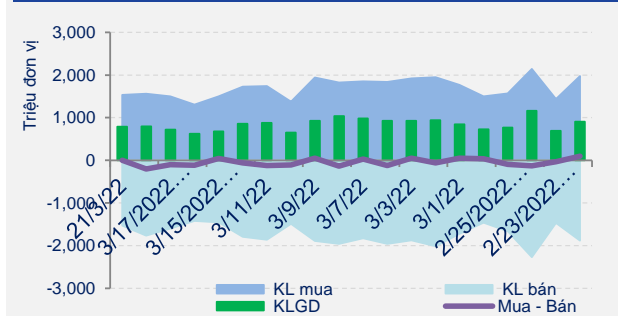
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/3/2022

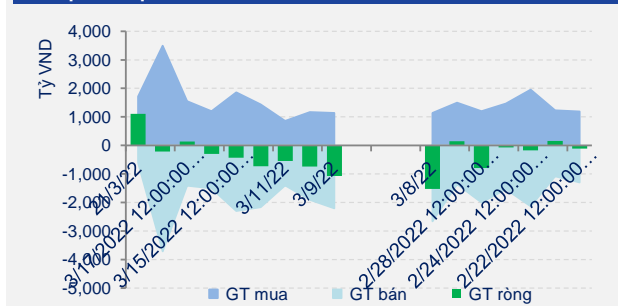
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,494.95	458.29
% Thay đổi	↑ 1.76%	↑ 1.57%
KLGD (CP)	792,156,814	106,495,092
GTGD (tỷ đồng)	24,224.62	3,352.16
Tổng cung (CP)	1,530,008,200	161,798,800
Tổng cầu (CP)	1,532,236,900	142,535,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	16,705,800	696,500
KL mua (CP)	44,582,000	548,958
GT mua (tỷ đồng)	1,715.29	16.64
GT bán (tỷ đồng)	610.55	29.53
GT ròng (tỷ đồng)	1,104.75	(12.88)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.22%	21.5	3.6	1.2%
Công nghiệp	↑ 1.29%	23.2	3.2	16.8%
Dầu khí	↑ 0.57%	19.0	2.1	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.01%	-	11.4	3.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.13%	16.4	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 2.45%	18.7	3.5	8.5%
Ngân hàng	↑ 0.60%	12.3	2.4	12.0%
Nguyên vật liệu	↑ 1.17%	10.5	2.5	16.5%
Tài chính	↑ 3.12%	20.9	3.2	37.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.65%	17.9	2.7	1.5%
VN - Index	↑ 1.76%	16.9	3.1	
HNX - Index	↑ 1.57%	21.9	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm phiên thứ năm liên tiếp với thanh khoản tăng nhẹ nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Cụ thể, VN-Index tăng 25,85 điểm (+1,76%) lên 1.494,95 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 326 mã tăng, 59 mã giảm, 113 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn đạt 898 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 27.576 tỷ đồng. VnIndex tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch và đà tăng ngày càng mạnh về cuối phiên nhờ diễn biến tích cực từ nhóm các cổ phiếu vốn hóa lớn, cụ thể VHM (+3,9%), NVL (+6,9%), MSN (+6,1%), GAS (+4,7%), VIC (+2,8%), VNM (+2,1%), VCB (+0,8%). Ngoài ra, tâm điểm thị trường trong phiên còn đến từ nhóm Bất động sản với việc NVL tăng trần đã tạo hiệu ứng giúp cả nhóm ngành phá, kể đến như DXG(+6,9%), DIG(+6,9%), PDR(+6,9%), NLG(+6,6%), KDH(+4,5%), HUT(+9,9%), LDG(+6,9%), HQC(+6,9%), FLC(+6,8%), CEO(+6,0%), DXS(+4,9%), NBB(+4,6%), KHG(+3,9%)... Nhóm cổ phiếu bảo hiểm hôm nay cũng có diễn biến tích cực với MIG (+6,9%), BIC (+6,9%), BMI (+6,0%), PGI (+4,7%), BVH (+4,3%), VNR (+3,7%), PVI (+2,6%). Bên cạnh đó, các nhóm cổ phiếu khác như chứng khoán, ngân hàng, thép, cổ phiếu dầu cơ có thanh khoản lớn cũng có diễn biến tích cực góp phần vào đà tăng của chỉ số.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index tăng mạnh trong phiên đầu tuần tuy nhiên khối lượng giao dịch vẫn chưa thực sự thuyết phục. VN30 cũng tăng mạnh và đã phục hồi tốt lấy lại vùng hỗ trợ 1.490 điểm - 1.495 điểm tương ứng đường xu hướng tích lũy kéo dài từ tháng 07/2021 đến nay, đáng chú ý là một số mã như VIC, VHM, VNM đã phục hồi trở lại sau thời gian điều chỉnh kéo dài.

VN-Index đã vượt qua các vùng kháng cự tại 1.470 điểm và 1.483 điểm - 1.485 điểm và hiện đang ở gần ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Hiện tại VN-Index vẫn đang trong xu hướng tăng và nếu vượt qua mốc 1.500 điểm thì chỉ số có thể hướng tới các mốc cao hơn tại vùng 1.530 điểm - 1.550 điểm theo sóng 5 lý thuyết sóng Elliott. Dự kiến trong phiên giao dịch tiếp theo 22/3/2022, có thể sẽ có rung lắc khi chỉ số tiến tới mốc tâm lý 1.500 điểm và có thể kiểm định lại vùng hỗ trợ gần nhất 1.485 điểm - 1.489 điểm để thu hút lực cầu mới gia tăng trở lại, cải thiện thanh khoản của thị trường. Các nhà đầu tư đã tiến hành mua vào trong vùng hỗ trợ 1.425 điểm - 1.450 điểm trong thời gian gần đây có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và chọn lọc gia tăng tỉ trọng vào các nhóm mã cổ phiếu đang thu hút dòng tiền ngắn hạn khi có rung lắc điều chỉnh.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch, đà tăng càng mạnh về cuối phiên giúp chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất phiên. Kết phiên, VN-Index tăng 25,85 điểm (+1,76%) lên 1.494,95 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 2.900 đồng, NVL tăng 5.300 đồng, MSN tăng 8.300 đồng. Ở chiều ngược lại, VJC giảm 4.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 458,29 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 7,08 điểm (+1,57%) lên 458,29 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT tăng 4.600 đồng, THD tăng 1.800 đồng, CEO tăng 4.200 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 1.200 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

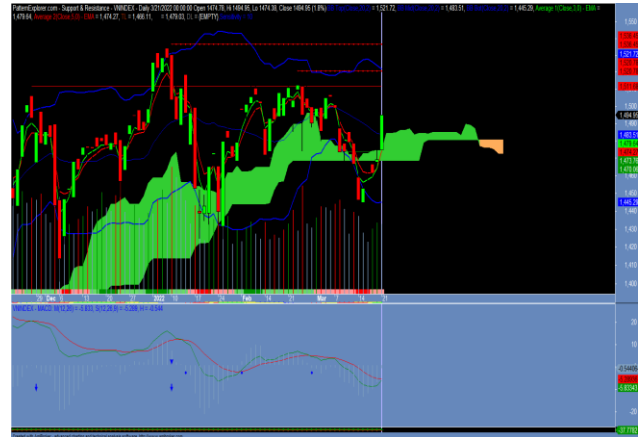
Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 1.104,74 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 27,88 triệu cổ phiếu. STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 116,2 tỷ đồng tương ứng với 3,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GEX với 113,4 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BID là mã chứng khoán được bị bán nhiều nhất với hơn 5 tỷ đồng tương ứng với 115,5 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,9 tỷ đồng, tương ứng với khối lượng ròng 147 nghìn cổ phiếu. PLC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,6 tỷ đồng tương ứng với 178 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 8,2 tỷ đồng tương ứng với 199 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,6 tỷ đồng tương ứng với 188 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm mạnh 1,76% trong phiên đầu tuần lên mức 1494,95 điểm với khối lượng giao dịch giảm nhẹ. Điểm tích cực là VNINDEX vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng trung dài hạn. Ngắn hạn đã vượt trở lại vùng kháng cự 1483-1485 (MA20 -MA50) với tâm lý ngắn hạn cải thiện tích cực.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Chỉ khi VN-Index giảm mạnh và đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 100% sóng điều chỉnh 4) thì mới xác nhận là kết thúc sóng này. Hiện tại VNINDEX đã vượt kháng cự 1470 và đồng thời vượt kháng cự 1483-1485. Do đó VNINDEX vẫn đang trong xu hướng tăng với vùng target 1530-1550.

Dự kiến trong phiên giao dịch tiếp theo 22/3/2022, VNIndex có thể sẽ có rung lắc điểm tra lại vùng hỗ trợ gần nhất 1485-1489 để thu hút lực cầu mới gia tăng trở lại, cải thiện thanh khoản của thị trường. Và kỳ vọng tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng tâm lý 1500.



TIN TRONG NƯỚC

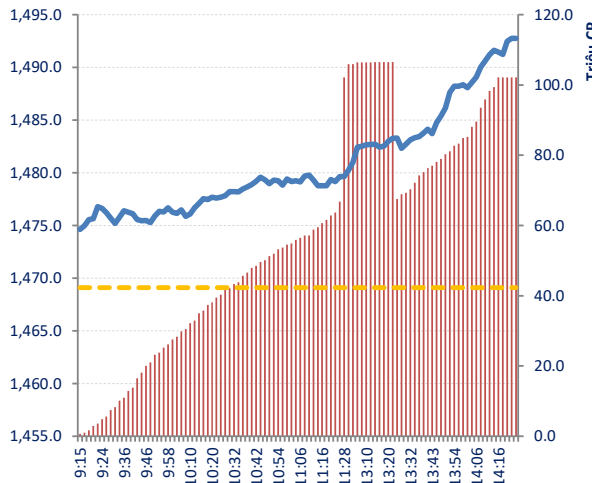
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 15h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,5 - 67,5 triệu đồng/lượng, không đổi ở cả chiều mua vào và giảm 300 nghìn/lượng ở chiều bán ra so với ngày hôm trước.
Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 21/03 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.146 VND/USD, tăng 4 đồng so với ngày 19/03.

TIN QUỐC TẾ

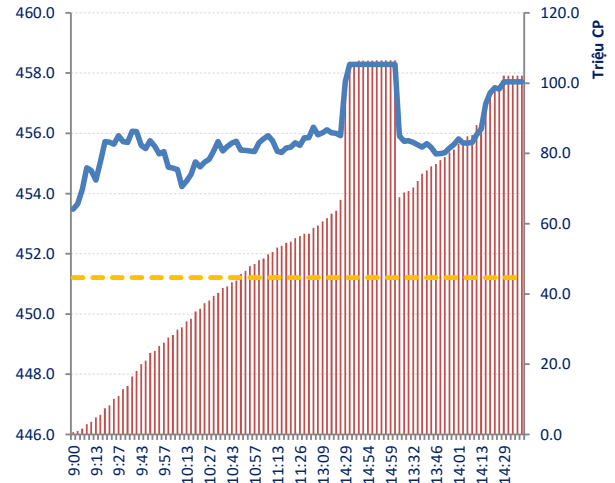
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 5,66 USD/ounce tương ứng với 0,29% lên 1.924,35 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,015 điểm tương ứng 0,02% xuống 98,218 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1059 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3162 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 119,22 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 4,36 USD/thùng tương ứng với 4,16% lên 109,01 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, chỉ số Dow Jones tăng 274,17 điểm (tương đương 0,8%) lên 34.754,93 điểm. Chỉ số S&P 500 tăng 1,1% lên 4.463,12 điểm và chỉ số Nasdaq Composite tăng 2,05% lên 13.893,84 điểm

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

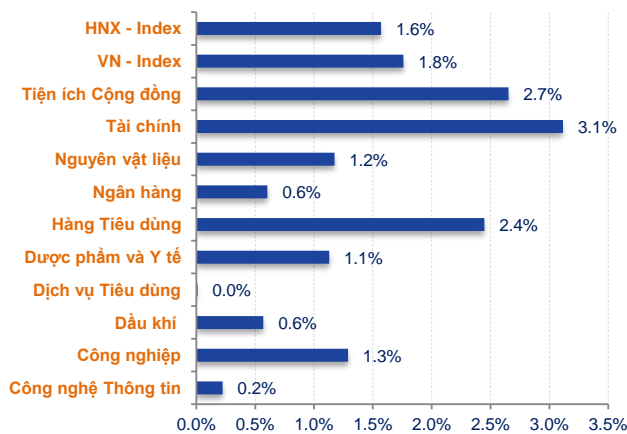
KLGD và VN-Index trong phiên



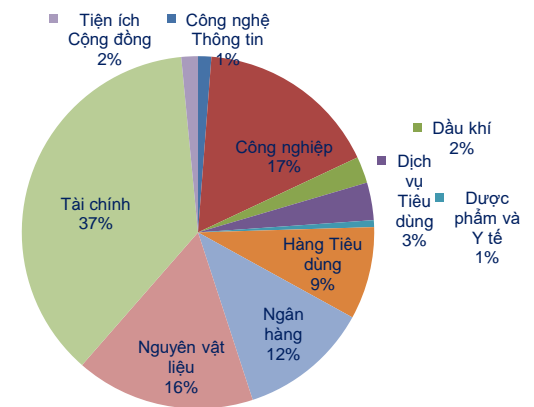
KLGD và HNX-Index trong phiên



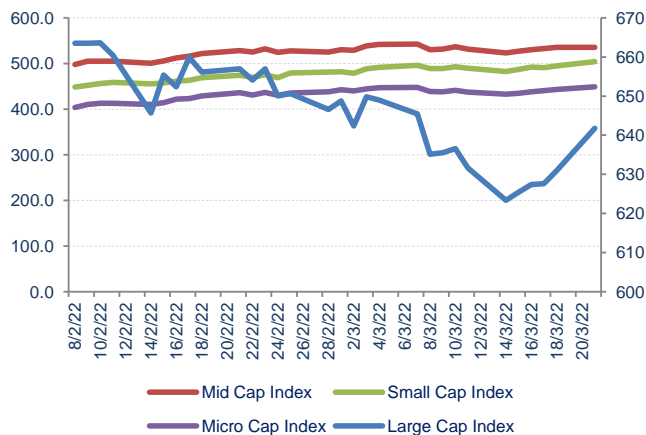
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



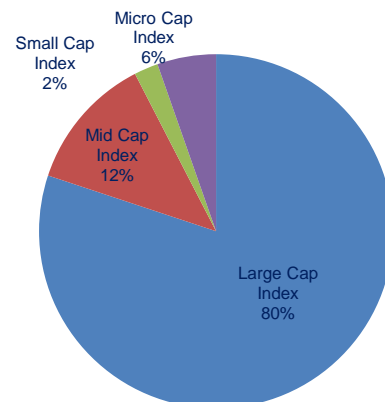
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	3,518,000	MIG	198,900
2	GEX	2,908,700	OCB	142,700
3	SHB	1,850,900	BID	115,500
4	VRE	1,721,600	LCG	99,600
5	SSI	743,200	SJD	62,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	188,900	SHS	199,000
2	TA9	48,100	PLC	178,500
3	GIC	30,600	PVI	29,300
4	PIA	14,000	VCS	20,200
5	PGN	12,100	MCF	20,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	14.00	14.95	↑ 6.79%	34,708,000
HQC	8.65	9.25	↑ 6.94%	32,199,700
LPB	22.25	22.40	↑ 0.67%	23,792,614
HAG	11.95	12.30	↑ 2.93%	23,112,900
ROS	8.65	9.00	↑ 4.05%	21,108,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	70.00	74.20	↑ 6.00%	7,640,759
PVS	34.80	35.10	↑ 0.86%	7,428,906
KLF	7.00	7.20	↑ 2.86%	6,359,323
HUT	46.70	51.30	↑ 9.85%	4,525,536
IDC	71.70	73.50	↑ 2.51%	4,194,069

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DPR	74.60	79.80	5.20	↑ 6.97%
PDR	85.00	90.90	5.90	↑ 6.94%
DIG	95.00	101.60	6.60	↑ 6.95%
HQC	8.65	9.25	0.60	↑ 6.94%
DXG	41.90	44.80	2.90	↑ 6.92%

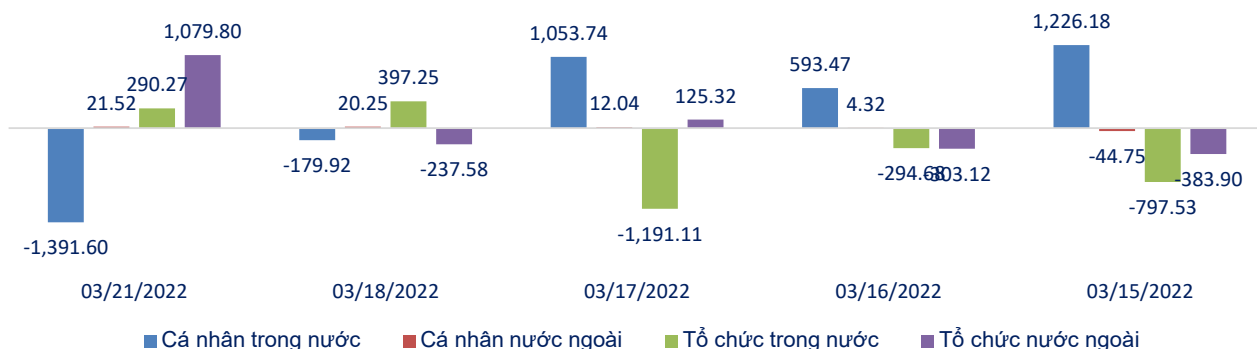
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTC	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
VLA	80.00	88.00	8.00	↑ 10.00%
PPE	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
VE4	75.00	82.50	7.50	↑ 10.00%
BTW	30.10	33.10	3.00	↑ 9.97%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DQC	64.00	59.60	-4.40	↓ -6.88%
RDP	17.85	16.65	-1.20	↓ -6.72%
PTC	55.30	52.10	-3.20	↓ -5.79%
PMG	19.10	18.05	-1.05	↓ -5.50%
HPX	32.25	30.80	-1.45	↓ -4.50%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PBP	37.60	33.90	-3.70	↓ -9.84%
PDC	19.60	17.70	-1.90	↓ -9.69%
SIC	23.00	20.80	-2.20	↓ -9.57%
PGT	12.70	11.50	-1.20	↓ -9.45%
VDL	21.70	19.80	-1.90	↓ -8.76%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	125.00	25.4%	7,269	18.8	3.8
FLC	116.61	0.7%	119	117.7	1.0
VPB	92.28	17.0%	2,662	13.6	1.9
PLX	75.87	10.8%	2,258	24.8	2.5
VIC	72.43	-1.9%	(717)	-	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-178.12	15.7%	2,932	11.2	1.7
LPB	-139.39	18.5%	2,378	9.4	1.7
KBC	-90.27	5.8%	1,587	33.5	2.0
DXG	-68.14	10.3%	1,941	21.6	1.9
GEX	-65.79	7.3%	1,490	25.8	1.6

Top Mua ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	11.64	1.6%	168	51.6	0.8
VRE	5.66	4.4%	578	57.0	2.4
STB	2.13	10.8%	1,855	17.8	1.8
SSI	1.41	22.4%	3,046	14.4	3.2
PVD	1.15	0.1%	46	778.0	1.1

Top Bán ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-12.97	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-9.60	35.3%	9,036	8.3	2.5
HVN	-7.05	-832.8%	(7,832)	-	38.0
KBC	-6.81	5.8%	1,587	33.5	2.0
FLC	-5.05	0.7%	119	117.7	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PHR	32.69	14.9%	3,512	21.8	3.2
E1VFN30	31.17	N/A	N/A	N/A	N/A
FDC	27.00	2.4%	364	97.1	2.3
NLG	22.40	10.5%	3,155	17.7	1.6
LPB	20.52	18.5%	2,378	9.4	1.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-115.56	0.7%	119	117.7	1.0
VPB	-92.28	17.0%	2,662	13.6	1.9
STB	-70.29	10.8%	1,855	17.8	1.8
TCB	-63.94	21.5%	5,144	9.6	2.0
ROS	-61.22	1.6%	168	51.6	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	211.24	15.7%	2,932	11.2	1.7
KBC	142.17	5.8%	1,587	33.5	2.0
LPB	119.62	18.5%	2,378	9.4	1.7
VHM	105.00	35.3%	9,036	8.3	2.5
DXG	67.25	10.3%	1,941	21.6	1.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-132.00	25.4%	7,269	18.8	3.8
PLX	-65.71	10.8%	2,258	24.8	2.5
NVL	-57.60	8.8%	1,692	45.6	3.6
PNJ	-42.59	18.3%	4,526	22.9	3.9
VCB	-37.19	21.3%	4,629	18.2	3.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	34,708,000	0.7%	119	117.7	1.0
HQC	32,199,700	3250.0%	9	987.4	0.9
LPB	23,792,614	18.5%	2,378	9.4	1.7
HAG	23,112,900	2.5%	199	60.2	2.4
ROS	21,108,000	1.6%	168	51.6	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	7,640,759	2.7%	362	193.4	5.1
PVS	7,428,906	4.7%	1,260	27.6	1.3
KLF	6,359,323	0.4%	40	173.3	0.7
HUT	4,525,536	1.9%	240	194.6	4.3
IDC	4,194,069	9.6%	1,508	47.5	4.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DPR	↑ 7.0%	17.5%	10,783	6.9	1.3
PDR	↑ 6.9%	28.0%	3,826	22.2	5.3
DIG	↑ 6.9%	15.3%	2,210	43.0	6.2
HQC	↑ 6.9%	0.1%	9	987.4	0.9
DXG	↑ 6.9%	10.3%	1,941	21.6	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTC	↑ 10.0%	0.4%	83	229.5	1.0
VLA	↑ 10.0%	31.2%	5,248	15.2	6.9
PPE	↑ 10.0%	8.2%	338	38.5	2.9
VE4	↑ 10.0%	5.7%	845	88.7	5.0
BTW	↑ 10.0%	12.1%	2,766	10.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3,518,000	10.8%	1,855	17.8	1.8
GEX	2,908,700	7.3%	1,490	25.8	1.6
SHB	1,850,900	16.8%	2,273	9.5	1.6
VRE	1,721,600	4.4%	578	57.0	2.4
SSI	743,200	22.4%	3,046	14.4	3.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	188,900	4.7%	1,260	27.6	1.3
TA9	48,100	12.9%	1,579	9.2	1.2
GIC	30,600	10.6%	2,019	11.0	1.2
PIA	14,000	22.5%	3,599	8.3	1.8
PGN	12,100	16.4%	1,612	9.7	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	398,478	21.3%	4,629	18.2	3.6
VHM	324,836	35.3%	9,036	8.3	2.5
VIC	300,538	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	222,069	12.7%	2,090	21.0	2.6
GAS	208,429	17.1%	4,531	24.0	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	58,800	21.8%	2,805	59.9	9.3
KSF	32,310	9.0%	1,373	78.4	5.4
IDC	21,510	9.6%	1,508	47.5	4.6
NVB	18,375	0.0%	3	10,178.2	3.1
CEO	18,014	2.7%	362	193.4	5.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	4.52	7.3%	1,490	25.8	1.6
KHP	4.49	7.2%	836	20.6	1.5
CII	4.42	-4.2%	(1,426)	-	0.9
FLC	4.24	0.7%	119	117.7	1.0
CIG	4.16	10.1%	522	25.1	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.70	7.0%	343	39.7	2.7
CEO	2.42	2.7%	362	193.4	5.1
APS	2.19	62.2%	9,839	3.1	2.6
IDJ	2.05	29.1%	2,536	11.4	2.5
L14	2.05	39.0%	8,000	47.1	13.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
